

Số: **789/2020/QĐST-HNGĐ**

Tân phú, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 640/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn D., sinh năm 1986;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Ngô Nguyễn Hương Th., sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn D. và bà Ngô Nguyễn Hương Th. tự nguyện chung sống vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A., quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 154/P.A., quyển số 01/2008, ngày 30/7/2008.

Thời gian đầu ông D. và bà Th. chung sống hạnh phúc. Nhưng sau một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã về chi tiêu và cách chăm sóc con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Ông D. và bà Th. đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Ông D. và bà Th. đã ly thân từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó ông D. và bà Th. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông D. và bà Th. có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Ngô Bảo Ng., sinh ngày 02/10/2012. Sau khi ly hôn, cả hai thỏa thuận bà Ngô Nguyễn

Hương Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Ngô Bảo Ng., sinh ngày 02/10/2012. Ông Nguyễn D. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, với số tiền mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 05 mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

[3] Về tài sản chung: Ông D. và bà Th. cùng xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về các vấn đề khác: Ông D. và bà Th. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn D. và bà Ngô Nguyễn Hương Th. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn D. và bà Ngô Nguyễn Hương Th., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 154/P.A., quyển số 01/2008, ngày 30/7/2008 của Ủy ban nhân dân Phường A., quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông D. và bà Th. có 01 (một) con chung là trẻ Nguyễn Ngô Bảo Ng., sinh ngày 02/10/2012. Sau khi ly hôn, bà Ngô Nguyễn Hương Th. được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Ngô Bảo Ng., sinh ngày 02/10/2012. Ông Nguyễn D. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, với số tiền mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng. Thời điểm cấp dưỡng vào ngày 05 mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2020 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều

468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- + Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.
- Về tài sản chung: Ông D. và bà Th. cùng xác nhận không có tài sản chung.
- Về các vấn đề khác: Ông D. và bà Th. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông D. và bà Th. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông D. và bà Th. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0070789 ngày 05/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông D. và bà Th. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài